

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
Năm học 2023-2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
A	B	I	2	3	4	5=2x3x4
	TỔNG CỘNG					
1	Cấp bù học phí	568	568			654.540.000
- Nhà trẻ			3	100.000	1	300.000
			4	100.000	2	800.000
			2	100.000	3	600.000
			5	100.000	3	1.500.000
			1	100.000	4	400.000
			2	100.000	5	1.000.000
			6	100.000	6	3.600.000
			5	100.000	7	3.500.000
			1	100.000	7	700.000
			2	100.000	8	1.600.000
			1	100.000	8	800.000
			41	100.000	9	36.900.000
- Mẫu giáo			4	140.000	1	560.000
			2	140.000	2	560.000
			4	140.000	2	1.120.000
			1	140.000	3	420.000
			1	140.000	4	560.000
			2	140.000	4	1.120.000
			1	140.000	4	560.000
			2	140.000	5	1.400.000
			1	140.000	5	700.000
			1	140.000	6	840.000
			2	140.000	6	1.680.000
			2	140.000	6	1.680.000
			4	140.000	7	3.920.000
			4	140.000	8	4.480.000
			10	140.000	8	11.200.000
			454	140.000	9	572.040.000
2	Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3,4,5	568				
3	Kinh phí hỗ trợ học phí dân tộc thiểu số					
	- HKI (căn cứ số năm 2023)	568	2	160.000	4	1.280.000
	- HKII (căn cứ số năm 2024)	568	2	160.000	5	1.600.000
4	Miễn giảm học phí					